

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Tháng 09/2024

V/v Thực hiện công khai trong hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1 Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Tên tiếng Anh: SAIGON TECHNOLOGY UNIVERSITY (Viết tắt: STU)

Mã trường: DSG

2 Địa chỉ chính: 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://www.stu.edu.vn/>

Địa chỉ các trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh của trường:

- <http://daotao2.stu.edu.vn/thongtintuyensinh/> - Trang Thông tin tuyển sinh đại học
- <http://daotao2.stu.edu.vn/congkhaithongtintuyensinh/> - Trang Công khai thông tin tuyển sinh
- <https://www.youtube.com/c/%C4%90%E1%BA%A1ih%E1%BB%8DcC%C3%B4ngNgh%E1%BB%87S%C3%A0iG%C3%B2nSTU> - Kênh Youtube
- https://www.facebook.com/DHICNSG/?gidzl=QWkwNpKvz49i5xrGDIBoJMcGII.acTlGP9qUy22fmyqbq4RzKUoNtIHo0Tl05uAlqTfaws2Jli07WaD3_wl0 - Kênh Facebook

Địa chỉ cổng thông tin đào tạo của trường: <http://daotao1.stu.edu.vn/>

Số điện thoại liên hệ: 028.38505520

Số điện thoại đường dây nóng: 0902.992.306

Địa chỉ hộp thư điện tử (mail):

- Mail Trường: stu@stu.edu.vn
- Mail Văn phòng tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn
- Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn

3 Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tư thục Công nghệ Sài Gòn được chuyển đổi loại hình theo Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 06/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn.

4 Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ, với các trình độ: đại học, cao học và nghiên cứu sinh; Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng có phẩm chất đạo đức, tư duy độc lập, sáng tạo, chuyên môn cao, nghiệp vụ giỏi, văn hóa, ngoại ngữ tốt, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu thế toàn cầu hóa của thế giới.

- **Tầm nhìn:** Trong giai đoạn năm năm từ 2020 – 2025 phấn đấu trở thành trường đại học có thương hiệu, có uy tín và có chất lượng cao.

Đến năm 2030, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn sẽ trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ có chất lượng và uy tín trong các cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng ở Việt Nam.

- **Mục tiêu tổng quát:** Tiếp tục phát triển trường theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực với quy mô hợp lý để chuyển sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu; phát triển năng lực thực hành của người học, gắn liền đào tạo với thực tế sản xuất; nghiên cứu khoa học và công nghệ, tập trung theo hướng triển khai kết quả nghiên cứu ứng dụng đã đạt được vào thực tiễn cuộc sống; cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Để đạt được tầm nhìn và mục tiêu tổng quát, Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 131/NQ-DSG-HDQT ngày 14/10/2020. Theo đó, công bố và thực hiện từng mục tiêu chiến lược hành động cụ thể liên quan đến phát triển các hoạt động đào tạo giai đoạn 2020–2025, 2025–2030; hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế (HTQT).

5 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường:

Tiền thân của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1997.

Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo

Quyết định số 798/TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Hội đồng sáng lập Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh gồm mười thành viên được công nhận theo Quyết định số 4659/GD-DT ngày 25/10/1996 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sáng lập viên Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh chính là những người xác định tôn chỉ, mục tiêu hoạt động và đầu tư vốn cơ bản của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2004, Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức đứng ra thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh là Hội đồng Quản trị Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2005, Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được đổi tên theo Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2024, Trường Đại học Tư thục Công nghệ Sài Gòn được chuyển đổi loại hình theo Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 06/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn. Tiền thân của Trường DIICNSG là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh (SEIC). SEIC được thành lập theo Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. SEIC là trường cao đẳng ngoài công lập đầu tiên của nước ta đào tạo chủ yếu theo các ngành kỹ thuật, công nghệ.

6 Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: PGS. TS. Cao Hào Thi
Chức vụ: Hiệu trưởng
Địa chỉ nơi làm việc: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
(180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh)
Số điện thoại: 0913.969.384
Địa chỉ mail: thi.caohao@stu.edu.vn

7 Tổ chức bộ máy:

7.1 Quyết định thành lập:

- (1) Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập Thành phố Hồ Chí Minh.;
- (2) Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;
- (3) Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;
- (4) Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 06/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn sang loại hình trường đại học tư thục;

7.2 Quyết định công nhận hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

- (1) Quyết định số 147/NQ-DSG-HNNĐT ngày 13/07/2024 của Hội nghị nhà đầu tư Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 - 2029;
- (2) Quyết định số 148/NQ-DSG-HNNĐT ngày 13/07/2024 của Hội nghị nhà đầu tư Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 - 2029;
- (3) Quyết định số 150/QĐ-DSG-HĐT ngày 13/07/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 – 2029;
- (4) Quyết định số 05/NQ-DSG-HĐT ngày 02/08/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc công nhận Phó Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 - 2029;
- (5) Quyết định số 35/QĐ-DSG-HĐT ngày 05/09/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 – 2029.

7.3 Danh sách thành viên Hội đồng trường (HĐT)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	TS. Ngô Thị Thu Thủy	Chủ tịch HĐT
2	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	Phó Chủ tịch HĐT

TT	Họ và tên	Chức vụ
3	PGS. TS. Cao Hào Thi	Thành viên HĐT, Hiệu trưởng
4	ThS. Hồ Diệu Vân	Thành viên HĐT, Thư ký HĐT
5	KS. Nguyễn Ngọc Điện	Thành viên HĐT, Đại diện cho nhà đầu tư
6	ThS. Lê Tôn Đức Hòa	Thành viên HĐT, Đại diện cho nhà đầu tư
7	TS. Lê Minh Hùng	Thành viên HĐT, Đại diện cho nhà khoa học là thành phần ngoài trường
8	ThS. Lưu Mai Hương	Thành viên HĐT, Đại diện cho nhà đầu tư
9	TS. Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐT, Đại diện cho nhà đầu tư
10	ThS. Nguyễn Kiều Oanh	Thành viên HĐT, Đại diện cho giảng viên là thành phần trong trường.
11	CN.KS. Trương Thu Trà	Thành viên HĐT, Đại diện cho nhà đầu tư

7.4 Danh sách Ban Giám hiệu

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	PGS. TS. Cao Hào Thi	Hiệu trưởng
2	PGS. TS. Hoàng Kim Anh	Phó Hiệu trưởng

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	16,14	14,64
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	83,66%	84,86%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	18,63%	18,30%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực đào tạo

STT	Lĩnh vực	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
I	Giảng viên toàn thời gian	348	18	254	55	18	3
1	Sản xuất và chế biến	22	2	11	5	3	1
2	Kiến trúc và xây dựng	18	0	13	4	1	0
3	Công nghệ kỹ thuật	53	1	27	15	8	2

STT	Lĩnh vực	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
4	Máy tính và công nghệ thông tin	153	10	129	10	4	0
5	Kinh doanh và quản lý	63	1	45	16	1	0
6	Nghệ thuật	39	4	29	5	1	0
II	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	281	16	241	24	0	0
1	Sản xuất và chế biến	17	2	11	4	0	0
2	Kiến trúc và xây dựng	14	0	12	2	0	0
3	Công nghệ kỹ thuật	29	0	26	3	0	0
4	Máy tính và công nghệ thông tin	134	9	121	4	0	0
5	Kinh doanh và quản lý	53	1	42	10	0	0
6	Nghệ thuật	34	4	29	1	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	7	7
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	97	89
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	33,99%	30,09%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	2,96 m ² /người học	2,99 m ² /người học
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	3,74 m ² /người học	2,98 m ² /người học
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	-	-
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	20682	19502
5	Số bản sách/người học	2.67	3.11
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	84,48%	84,48%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	2500	2500

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
1	Trụ sở chính	180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp.HCM	20.000	25.287,98

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí đầu tư dự kiến (**) (VND)
1	Xây mới tòa nhà khu D	180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp.HCM	218.220.168.000

Ghi chú: (**): Kinh phí đầu tư dự kiến công trình xây dựng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn giai đoạn 4 theo quyết định số 211A/QĐ-DSG-HDQT ngày 15/09/2017.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (CEA-HCM).
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.
- Mức độ đạt kiểm định: Điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng lĩnh vực đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm (Căn cứ theo nghị quyết số 70/NQ-HĐKĐCLGD ngày 11/12/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 27/12/2023 đến ngày 26/12/2028.
- Giấy chứng nhận và Quyết định: Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học: số 054/CEA/HCM-TR ngày 27/12/2023 ban hành kèm theo Quyết định 221/QĐ-TTKĐ ngày 27/12/2023 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (CEA-HCM).

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7340101	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	CEA-HCM (*)	2022 — 2027

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
2	7480201	Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin	CEA-HCM (*)	2024 – 2029
3	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	CEA-HCM (*)	2023 – 2028
4	7510302	Công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông	Công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông	CEA-HCM (*)	2023 – 2028
5	7540101	Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA (*)	2020 – 2025
6	7580201	Kỹ thuật Xây dựng	Kỹ thuật Xây dựng	CEA-HCM (*)	2023 – 2028

Ghi chú: (*) là viết tắt:

- AUN-QA: Tổ chức Bảo đảm Chất lượng của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.
- CEA-HCM: Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
I	Đại học		
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	62,33%	49,66%
2	Tỉ lệ tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	120%	120%
3	Tỉ lệ thôi học	35,93	39,09
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	9,38	8,47
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	86,31	89,8
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	44%	54%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	84%	81%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	80%	79,17%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	79.04%	81.71%
II	Thạc sĩ		

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	6.6	7
2	Tỉ lệ tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	14.2%	14.2%
3	Tỉ lệ thôi học	0	0
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	0	0
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	100%	100%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	100%	100%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	100%	100%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	100%	100%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	100%	100%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	4915	1840	734	
1	Sản xuất và chế biến	142	63	57	91,94%
2	Kiến trúc và xây dựng	173	36	82	95,38%
3	Công nghệ kỹ thuật	423	152	117	93,51%
4	Máy tính và công nghệ thông tin	2189	1071	136	97,12%
5	Kinh doanh và quản lý	1574	336	318	93,41%
6	Nghệ thuật	414	182	24	100,00%
II	Thạc sĩ				
1	Công nghệ thực phẩm	13	7	7	100,00%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ	-	-
2	Số công bố khoa học/giảng viên	49	25
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	1	-

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	-	-
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	-	-

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
3	Đề tài cấp cơ sở	6	180 triệu đồng
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	-	-
5	Đề tài hợp tác quốc tế	-	-
	Tổng số	6	180 triệu đồng

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10	8
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	1	-
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	-	-
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	-	-
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	-	-

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình (≥ 0 và $\leq 30\%$)	32,49%	23,14%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững (> 0)	32,43%	23,93%

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	233	196
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	229	192
1	Học phí, lệ phí từ người học	229	192
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	-	-
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	-	-
4	Thu khác	-	-
III	Thu khoa học và công nghệ		

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	-	-
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	-	-
3	Thu khác	-	-
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	4	4
	Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên	229	192
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	139	139
I	Chi lương, thu nhập	88	85
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	68	66
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	20	19
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	25	26
1	Chi cho đào tạo	12	12
2	Chi cho nghiên cứu	1	1
3	Chi cho phát triển đội ngũ	-	-
4	Chi phí chung và chi khác	12	13
III	Chi hỗ trợ người học	9	11
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	7	9
2	Chi hoạt động nghiên cứu	-	-
3	Chi hoạt động khác	2	2
IV	Chi khác	17	17
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	94	57
	Chênh lệch thu chi/ Tổng thu	40,3%	29,1%

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đạt chuẩn Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Giai đoạn 2023 – 2028 (chu kỳ 2) theo Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học số 054/CEA/HCM-TR ngày 27/12/2023 ban hành kèm theo Quyết định 221/QĐ-TTKĐ ngày 27/12/2023 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (CEA-HCM).

Hoàn tất đánh giá chương trình đào tạo đại học 02 ngành còn lại của Trường, Hội đồng Kiểm định Chất lượng giáo dục thuộc Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã ra nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo: (1) Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trình độ đại học; (2) Chương trình đào tạo ngành Thiết kế công nghiệp trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn. Đạt chỉ tiêu toàn bộ chương trình đào tạo đại học của các ngành học được kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện quá trình chuyển đổi loại hình Trường Đại học dân lập Công nghệ Sài Gòn sang trường đại học tư thục theo đúng quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở giáo dục, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- VP. HĐT (để báo cáo);
- Đăng trên Công TTĐT;
- Lưu P.HCQT;
- Lưu P.DT, TN(5).

